

# NHẬN DIỆN QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA TỪ KHÍA CẠNH NHÂN KHẨU HỌC VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI: TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Phạm Đỗ Văn Trung\**  
*Huỳnh Phẩm Dũng Phát\**  
*Nguyễn Hà Quỳnh Giao\**

## 1. Lãnh thổ đô thị

Trong những năm gần đây, lãnh thổ đô thị của TP. Cần Thơ mở rộng nhanh chóng. Năm 1999, phần lớn khu vực đô thị tập trung ở TP. Cần Thơ (trực thuộc tỉnh Cần Thơ) và 4 thị trấn Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng, Cờ Đỏ với 19 đơn vị hành chính, lãnh thổ đô thị trải dài dọc theo sông Hậu, liên tục từ Cái Răng đến Thốt Nốt cùng 5 thị trấn phía Tây thành phố (hình 1.2).

Qua bảng 1.1, trong giai đoạn 2000 - 2010, diện tích đô thị tăng hơn 5,7 lần, mở rộng hơn 383 km<sup>2</sup> với tốc độ trung bình 19%/năm. Tỷ trọng diện tích đô thị so với lãnh thổ toàn thành phố tăng từ 5,8% lên hơn 33%. Năm 2004, TP. Cần Thơ trực thuộc trung ương được thành lập trên cơ sở tách ra từ tỉnh Cần Thơ nên lãnh thổ đô thị giai đoạn 2000 - 2004 tăng lên rất nhanh, từ 81,5 km<sup>2</sup> lên hơn 326,58 km<sup>2</sup>, tốc độ mở rộng trung bình 41%/năm; sau năm 2004, quá trình đô thị hóa (ĐTH) tiếp tục diễn ra nhanh chóng, thúc đẩy nhiều khu vực chuyển thành đô thị với tốc độ tăng trung bình 27,7 km<sup>2</sup>/năm, đến năm 2010, diện tích đô thị TP. Cần Thơ mở rộng đến hơn 464 km<sup>2</sup>.

Quá trình mở rộng đô thị diễn ra theo một số trục nhất định, từ ngã ba sông Hậu và sông Cần Thơ, đô thị dần phát triển ra xung quanh nên đây cũng là khu vực tập trung đô thị cao nhất thành phố.

Dọc theo sông Cần Thơ, về phía Nam, trước đây đô thị phát triển mạnh ở khu vực Cái Răng, giai đoạn 2000 - 2010, đặc biệt với việc xây dựng cầu Cần Thơ, ĐTH diễn ra nhanh chóng toàn quận Cái Răng, tốc độ mở rộng lãnh thổ đô thị trung bình 18%/năm (bảng 1.1).

---

\* ThS. Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bảng 1.1. Diện tích đô thị TP. Cần Thơ theo quận, huyện giai đoạn 2000 - 2010**

Quận/Huyện	2000	2004	2010
Quận Ninh Kiều	16,00	29,22	29,22
Quận Ô Môn	15,10	125,57	127,00
Quận Bình Thủy	28,90	68,78	70,68
Quận Cái Răng	12,86	62,53	68,95
Quận Thốt Nốt	4,30	5,59	117,78
Huyện Vĩnh Thạnh	---	17,78	25,34
Huyện Cờ Đỏ	4,38	17,11	7,64
Huyện Phong Điền	---	---	8,14
Huyện Thới Lai	---	---	9,81
<b>Tổng</b>	<b>81,54</b>	<b>326,58</b>	<b>464,56</b>

Nguồn: Xử lí từ: [3], [5], [7].

Theo trục sông Hậu, giai đoạn 2000 - 2010, Thốt Nốt và Ô Môn là hai khu vực mở rộng lãnh thổ đô thị nhiều và nhanh nhất. Diện tích đô thị quận Thốt Nốt tăng thêm trung bình hơn 11 km<sup>2</sup>/năm, đến năm 2010 đạt 117,8 km<sup>2</sup>, tốc độ tăng trung bình 39%/năm; trong cùng thời gian, diện tích đô thị quận Ô Môn tăng thêm 111,9 km<sup>2</sup>, tốc độ trung bình 24%/năm (bảng 1.1).

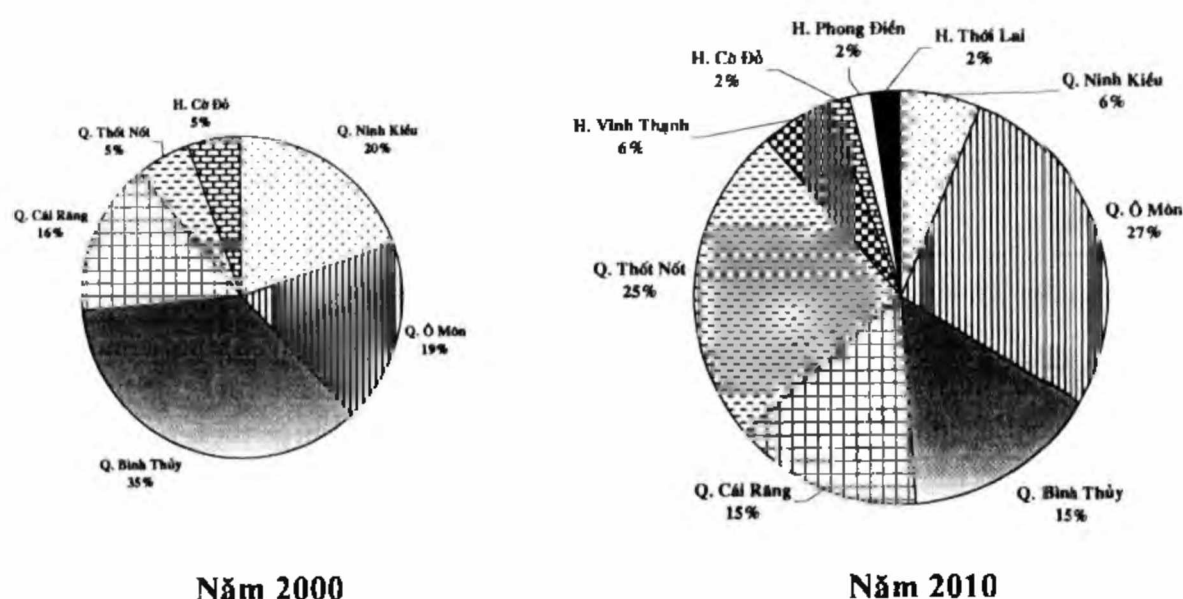
Biến động lãnh thổ đô thị gắn liền với quá trình điều chỉnh địa giới hành chính và quyết định thành lập các quận nội thành. Đại bộ phận lãnh thổ đô thị của Ô Môn được mở rộng vào năm 2004 (cùng với việc thành lập quận Ô Môn) trong khi giai đoạn 2004 - 2009 gần như không thay đổi đáng kể. Ngược lại, diện tích đô thị Thốt Nốt tăng trung bình 66%/năm trong giai đoạn 2004 - 2010, trong khi suốt giai đoạn đầu (2000 - 2004) diện tích thị trấn Thốt Nốt gần như không biến động. Trong hơn 383 km<sup>2</sup> diện tích đô thị được mở rộng từ năm 2000 đến 2010, tỉ trọng 2 quận Ô Môn và Thốt Nốt gần 60% (bảng 1.1).

Lịch sử ĐTH địa bàn nghiên cứu diễn ra lâu dài ở khu vực quận Ninh Kiều với mức độ cao trên 1 diện tích tương đối nhỏ, vậy nên, năm 2000 khu vực này chỉ chiếm gần 1/5 diện tích đô thị, đứng thứ 2 sau quận Bình Thủy (hơn 1/3 lãnh thổ đô

thị của thành phố). Các khu vực đô thị có tỉ trọng diện tích lớn tiếp theo là Ô Môn (18,5%) và Cái Răng (15,8%). Riêng 4 quận Ninh Kiều, Ô Môn, Bình Thủy và Cái Răng đóng góp gần 90% diện tích lãnh thổ đô thị, phần còn lại là khu vực nông thôn rộng lớn (hình 1.1).

Quá trình thay đổi cơ cấu diện tích đô thị giữa các đơn vị hành chính phần nào thể hiện xu hướng ĐTH. Đến năm 2004, lãnh thổ đô thị mở rộng nhanh chóng ở khu vực Phước Thới, Thới An, Thới Long,... về phía bắc. Diện tích đô thị thuộc quận Ô Môn từ 15,1 km<sup>2</sup> tăng lên 125,6 km<sup>2</sup>, chiếm 38,5% tổng diện tích đô thị, dẫn đầu trong toàn thành phố. Bên cạnh đó, quá trình ĐTH cũng diễn ra nhanh dọc theo sông Hậu về phía Nam Hưng Thạnh, Thường Thạnh, Hưng Phú,... nên tỉ trọng diện tích đô thị quận Cái Răng tăng từ 15,8% (2000) lên 19,1% (2004) (xem hình 1.1).

**Hình 1.1. Cơ cấu diện tích đô thị TP. Cần Thơ năm 2000 và 2010 theo quận, huyện**

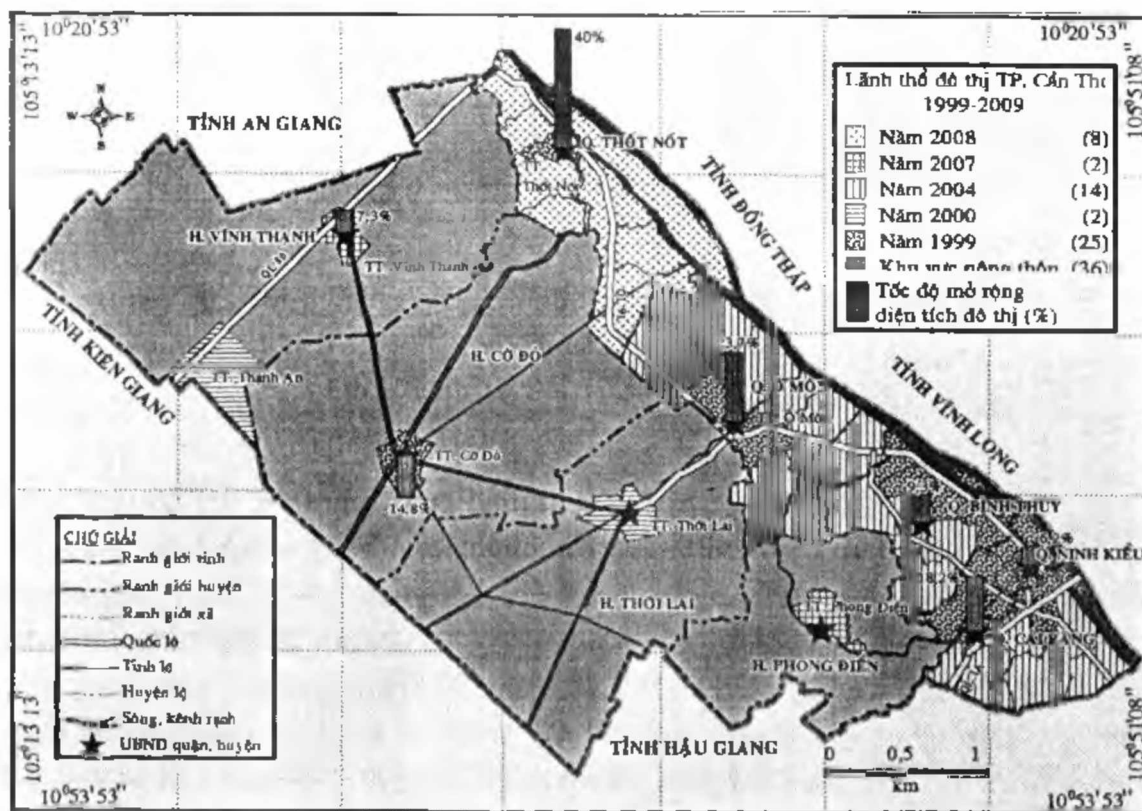


Nguồn: xử lí từ [5], [7].

Đến năm 2010, lãnh thổ đô thị tiếp tục mở rộng về phía Bắc dọc theo sông Hậu, diễn ra nhanh nhất trên địa bàn quận Thốt Nốt. Tỉ trọng diện tích đô thị của khu vực này tăng từ 5,4% năm 2004 lên gấp 5 lần, đạt 25,4% năm 2010. Đây là khu vực đô thị rộng thứ 2 sau quận Ô Môn (27,3%) trong toàn TP. Cần Thơ. Trong khi đó vị trí của khu vực trung tâm TP. Cần Thơ trong tổng diện tích đô thị giảm nhanh chóng. Tỉ trọng diện tích quận Ninh Kiều giảm hơn 3 lần, đến năm 2010 chỉ còn tương đương với huyện Vĩnh Thạnh, đồng thời quận Bình Thủy không còn là khu vực đô thị rộng nhất. Ngoài ra, diện tích đô thị khu vực nông thôn tăng lên nhanh

chóng, trong 10 năm, nhiều thị trấn hình thành và phát triển. Tỷ trọng diện tích đô thị trong tổng diện tích đô thị Cần Thơ tăng lên đáng kể, đến năm 2010 chiếm khoảng 12%. Huyện Vĩnh Thạnh là khu vực có mức độ mở rộng lãnh thổ đô thị nhanh và nhiều nhất (xem hình 1.1).

**Hình 1.2. Quá trình mở rộng lãnh thổ đô thị và tốc độ tăng diện tích đô thị thành phố Cần Thơ giai đoạn 1999 - 2009 theo quận, huyện**



Mạng lưới đô thị TP. Cần Thơ có xu hướng dày và đều hơn. Trước năm 1998, ngoài khu vực đô thị trung tâm (bao gồm thành phố Cần Thơ và thị trấn Cái Răng), phần lãnh thổ rộng lớn còn lại chỉ có 2 đô thị loại V (thị trấn Thốt Nốt và thị trấn Ô Môn), đến năm 1999 bổ sung thêm thị trấn Cờ Đỏ. Năm 1999 trên địa bàn TP. Cần Thơ trung bình khoảng 280 km<sup>2</sup> mới có 1 đô thị hoặc gần 74 km<sup>2</sup> mới có một đơn vị hành chính cấp cơ sở là đô thị; nếu không tính khu vực nội thành thành phố Cần Thơ, trung bình gần 340 km<sup>2</sup> mới xuất hiện 1 thị trấn. Mười năm sau, nhiều khu vực đô thị hóa nhanh chóng, các quận nội thành, thị trấn được hình, mạng lưới đô thị ngày càng hoàn chỉnh và tương đối đều hơn. Hiện nay, ngoài 5 quận nội thành Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn và Thốt Nốt; thành phố Cần Thơ còn có 5 đô thị nhỏ hơn là Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền, trung bình chưa tới 30km<sup>2</sup> có một đơn vị hành chính cơ sở là đô thị. Nếu không tính

khu vực nội thành, năm 2011, khoảng gần 200 km<sup>2</sup> có một đô thị, bằng 58% so với năm 1999. Tỷ trọng số đơn vị hành chính cấp cơ sở là đô thị trong tổng đơn vị hành chính cơ sở tăng từ 43% (năm 1999) lên hơn 50% (năm 2004) và gần 60% (năm 2011) (xem hình 1.2).

Sự phân bố của mạng lưới đô thị cũng hoàn thiện dần, năm 1999 ngoài khu vực đô thị sông Cần Thơ - sông Hậu, 3 đô thị còn lại phân bố rời rạc, khoảng cách trung bình giữa các đô thị khoảng 30 - 40km. Đến nay, nhìn chung TP. Cần Thơ đã hình thành hai trục đô thị kết nối với nhau tương đối thuận lợi bao gồm trục đô thị dọc sông Hậu và trục đô thị phía Tây thành phố (tạm đặt tên trục "Bốn Tổng - Một Ngàn"); khoảng cách và thời gian di chuyển trung bình giữa các đô thị đã được rút ngắn đáng kể, đến nay, các đô thị cách nhau bình quân khoảng 15 - 20km (xem hình 1.2).

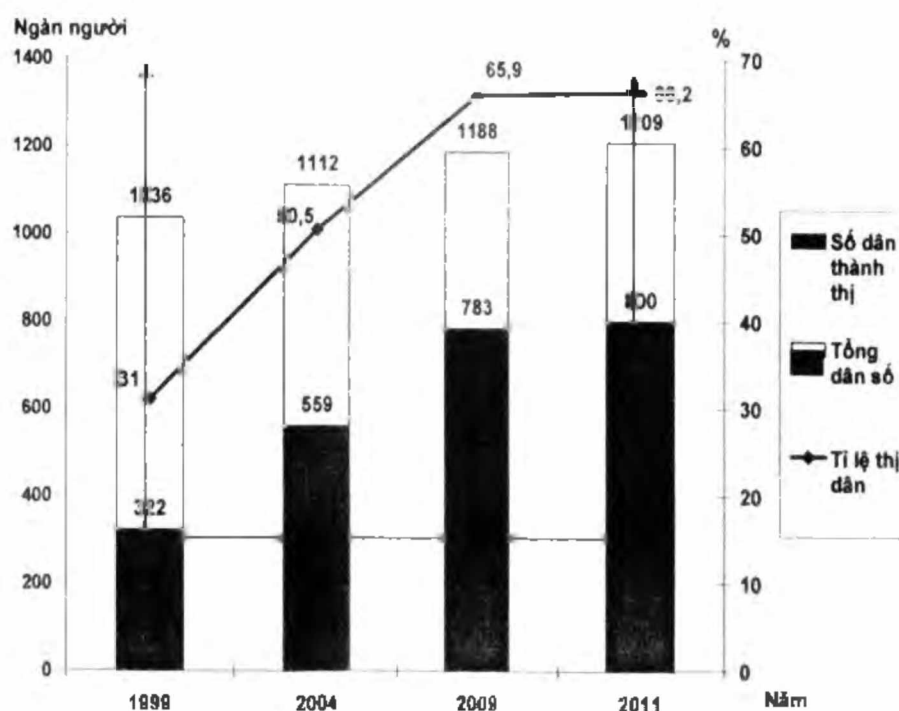
## 2. Số dân đô thị

Quy mô dân số toàn TP. Cần Thơ tăng khá chậm, trung bình khoảng 1%/năm, đến năm 2009, đạt gần 1,2 triệu người. Tuy nhiên, cùng với quá trình mở rộng lãnh thổ đô thị, số dân thành thị tăng nhanh chóng. Trong giai đoạn 1999 - 2011, TP. Cần Thơ tăng thêm 478.273 người sống trong khu vực thành thị, tốc độ phát triển trung bình 8%/năm. Năm 2004, TP. Cần Thơ trực thuộc trung ương được thành lập chia quá trình tăng dân số thành hai giai đoạn, giai đoạn 1999 - 2004 tăng nhanh hơn, tốc độ tăng trung bình 12%/năm. Số dân đô thị tăng thêm đến năm 2004 đạt hơn 240 ngàn người, chiếm khoảng 50% tổng dân số thành thị tăng thêm trong toàn giai đoạn nghiên cứu. Năm 2004, quy mô dân số đô thị TP. Cần Thơ hơn 560 ngàn người, đến năm 2011, quy mô tương ứng khoảng 800 ngàn người, tốc độ tăng trung bình 5%/năm.

Năm 1999, cứ hơn 2 người sống ở nông thôn thì có 1 người sống ở thành thị, năm 2004, tỷ lệ này là 1:1. Tỷ lệ thị dân tăng rất nhanh, gần 20% trong vòng 5 năm (từ 31% năm 1999 lên hơn 50% năm 2004); cùng với sự gia tăng nhanh chóng dân số thành thị, tỷ lệ thị dân năm 2011 tăng lên hơn 66% (xem Hình 1.3). Tuy nhiên, TP. Cần Thơ vẫn xếp gần cuối trong 5 thành phố trực thuộc trung ương về chỉ tiêu này.

Sự phân bố dân cư thành thị không đều theo không gian, năm 1999, phần lớn thị dân tập trung tại địa bàn quận Ninh Kiều, với hơn 180 ngàn người chiếm 56% tổng dân số đô thị. Đến năm 2011, dân số quận Ninh Kiều tăng thêm khoảng 70 ngàn người, tốc độ trung bình 2,8%/năm. Ninh Kiều là địa bàn phát triển đô thị từ rất sớm với quy mô và mức độ tập trung đô thị rất cao, nên tốc độ tăng dân số khoảng 3%/năm rất ấn tượng, mặc dù chỉ bằng khoảng 1/3 tốc độ tăng dân số ở thị toàn thành phố (xem bảng 1.2).

**Hình 1.3. Biểu đồ quy mô dân số đô thị và tỉ lệ thị dân TP. Cần Thơ 1999 - 2011**



Nguồn: xử lý từ [1], [2].

**Bảng 1.2. Dân số đô thị TP. Cần Thơ theo quận huyện (1999 - 2011)**

Quận/Huyện	Người		
	1999	2004	2011
Quận Ninh Kiều	180.100	207.408	249.451
Quận Ô Môn	29.025	127.278	131.972
Quận Bình Thủy	48.689	87.200	116.349
Quận Cái Răng	29.770	76.498	88.432
Quận Thốt Nốt	21.339	22.588	161.563
Huyện Vĩnh Thạnh	---	12.823	17.458
Huyện Cờ Đỏ	12.663	25.245	13.071
Huyện Phong Điền	---	---	10.828
Huyện Thới Lai	---	---	10.735
<b>Tổng</b>	<b>321.586</b>	<b>559.040</b>	<b>799.859</b>

Nguồn: xử lý từ [1], [3], [4].

Thốt Nốt là khu vực tăng dân số đô thị nhiều và nhanh nhất, trong giai đoạn 1999 - 2011, dân số từ hơn 21 ngàn tăng lên hơn 160 ngàn người, tốc độ phát triển trung bình 18,4%/năm, trong đó, đại bộ phận dân số tăng lên trong giai đoạn 2008 - 2009, khi quận Thốt Nốt được thành lập trên cơ sở huyện Thốt Nốt. Vậy nên, quận Thốt Nốt đóng góp gần 1/3 số thị dân tăng thêm của toàn TP. Cần Thơ giai đoạn 1999 - 2011 (xem bảng 1.2).

Quận Ô Môn là khu vực gia tăng dân số thành thị nhanh thứ hai sau quận Thốt Nốt, trong giai đoạn này, số dân thành thị tăng hơn 100 ngàn người, đưa quy mô dân số từ gần 30 ngàn người tăng lên hơn 130 ngàn người sống trong khu vực đô thị, tốc độ tăng trung bình 13,5%/năm. Thời gian tăng dân số thành thị nhanh nhất vào năm 2004, khi quận Ô Môn được thành lập, tốc độ tăng dân số thành thị trung bình giai đoạn 1999 - 2004 đến 43%/năm, sau giai đoạn này, tốc độ tăng dân số quận Ô Môn rất thấp (xem bảng 1.2).

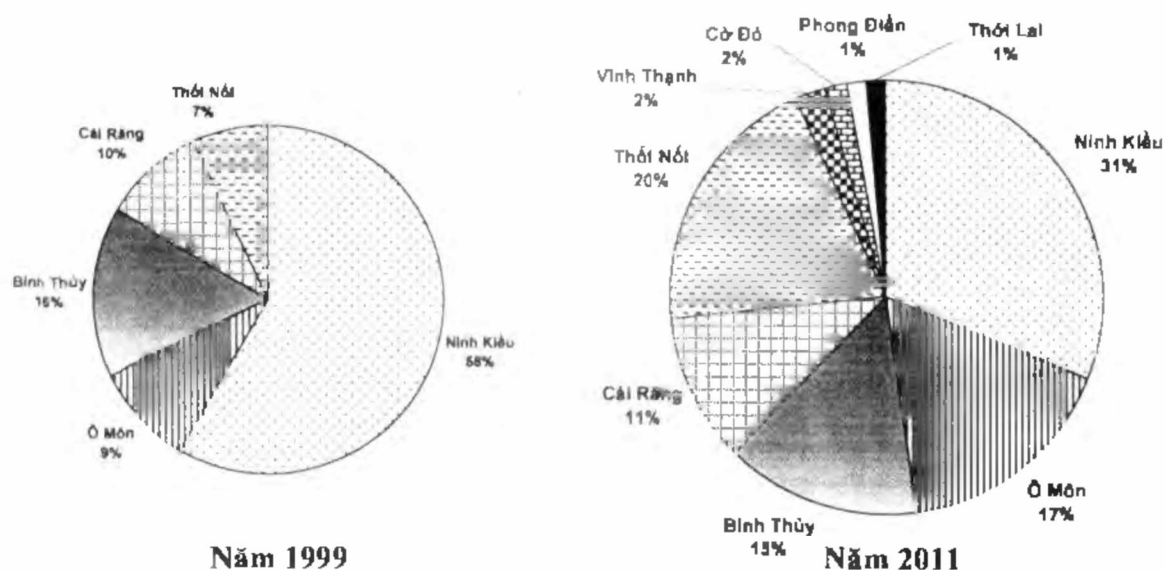
Cái Răng và Bình Thủy là hai quận ĐTH khá nhanh, với lợi thế là một phần và khả năng tiếp cận đến trung tâm đô thị thuận lợi, đây là địa bàn có sức hút đô thị lớn của thành phố. Tốc độ gia tăng dân số đô thị hàng năm của khu vực này trung bình khoảng 8 - 9%/năm. Đến năm 2011, số dân đô thị của Cái Răng và Bình Thủy tương ứng là 88.432 người và 116.349 người (xem bảng 1.2).

Các khu vực còn lại, quá trình ĐTH diễn ra ở địa bàn thuận tiện giao lưu và trao đổi kinh tế, hoạt động sản xuất, nơi giao nhau giữa các con sông, dòng kênh quan trọng - một đặc trưng địa bàn sông nước - như thị trấn Cờ Đỏ, thị trấn Thới Lai, thị trấn Phong Điền, Thạnh An, Vĩnh Thạnh, ... Giữa các huyện, Vĩnh Thạnh có số dân thành thị tăng nhanh nhất, huyện có 2 đô thị loại V với tổng dân số năm 2009 hơn 17 ngàn người, đặc biệt là thị trấn Thạnh An có mức độ phát triển khá sâu uất.

Do tốc độ tăng dân số thành thị không đều nên cơ cấu dân số thành thị giữa các quận, huyện cũng có sự thay đổi theo thời gian. Tỷ trọng dân số đô thị của quận Ninh Kiều so với tổng dân số thành thị liên tục giảm, đến năm 2011, đóng góp chưa tới 1/3 dân số đô thị toàn thành phố. Trong khi đó, tỷ trọng tương ứng của quận Thốt Nốt và quận Ô Môn tăng lên khoảng 2 - 3 lần trong cùng giai đoạn, đến năm 2011 lần lượt là 20,2% và 16,5% (xem hình 1.4).

Giai đoạn 1999 - 2011 ghi nhận quá trình ĐTH nhanh chóng khu vực nông thôn, không chỉ trong phạm vi các quận nội thành mà còn ở các huyện phía tây. Nếu năm 1999, đại bộ phận dân thành thị (96%) sống tại 5 quận nội thành hiện nay (Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng và Thốt Nốt); đến năm 2009, tỷ lệ này giảm xuống còn 93,5%. Tỷ trọng dân đô thị sống tại các huyện trong tổng dân số đô thị toàn thành phố tăng với tốc độ trung bình 4%/năm trong giai đoạn này.

**Hình 1.4. Biểu đồ cơ cấu dân số đô thị TP. Cần Thơ năm 1999 và 2011 theo quận, huyện**



*Nguồn: xử lý từ [1], [4].*

### 3. Mật độ dân số

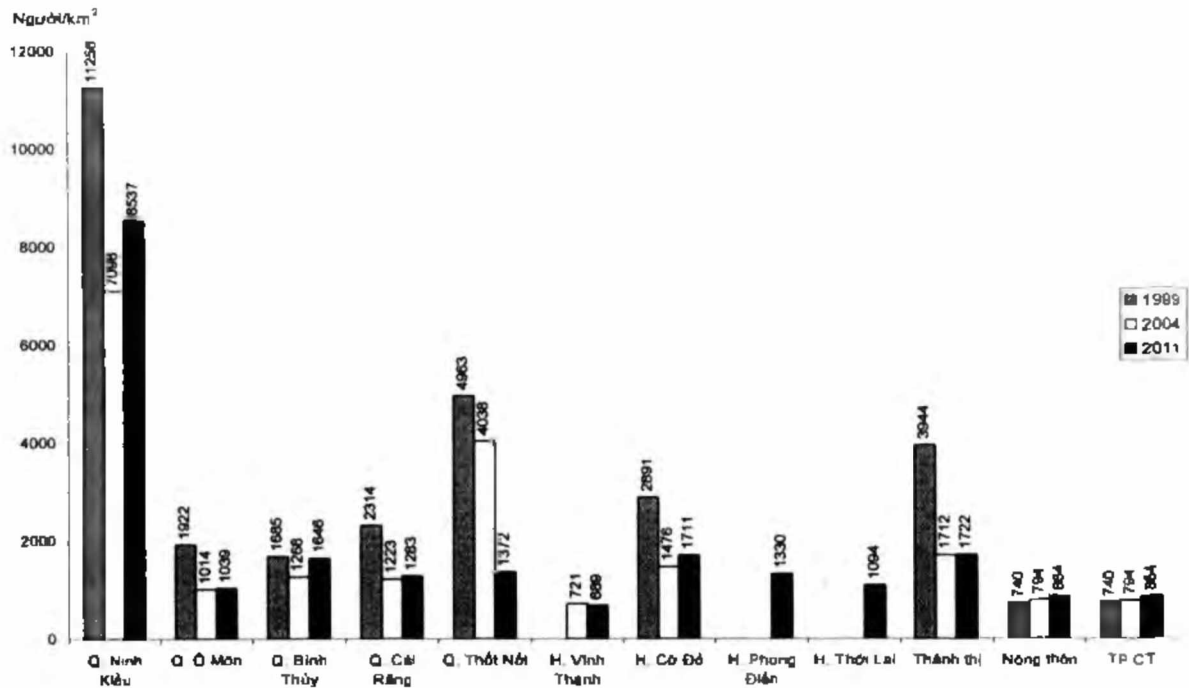
Quá trình mở rộng diện tích đô thị và gia tăng dân số thành thị lệch pha nên mật độ dân số đô thị có nhiều thay đổi. Do lãnh thổ đô thị mở rộng quá nhanh, tốc độ cao hơn nhiều quá trình tăng dân số đô thị nên mật độ dân số đô thị trung bình giảm nhanh. Qua hình 1.5, năm 1999 trung bình có gần 4.000 người sống trên 1km<sup>2</sup> lãnh thổ đô thị, thì đến năm 2011 chỉ còn hơn 1.700 người. Trong vòng hơn 10 năm, mỗi km<sup>2</sup> khu vực đô thị, trung bình giảm hơn 2.200 số người sinh sống. Mật độ dân số đô thị năm 1999 cao hơn 5,3 lần mật độ dân số toàn TP. thì đến năm 2011, mức chênh lệch này chưa tới 2 lần. Bên cạnh đó, khoảng cách mật độ dân số khu vực thành thị - nông thôn thu hẹp rất nhanh, từ 7,9 lần (năm 1999) giảm còn 3,9 lần (năm 2011). Đây là kết quả của quá trình ĐTH tại chỗ khu vực nông thôn rộng lớn trong thời gian ngắn.

Mật độ dân số thành thị và sự thay đổi của nó khác nhau giữa các đơn vị hành chính. Quận Ninh Kiều là khu vực có mật độ dân số cao nhất và vượt trội so với phần lãnh thổ còn lại của thành phố. Năm 1999 trung bình mỗi km<sup>2</sup> quận Ninh Kiều có hơn 11 ngàn người sinh sống, đến năm 2011, trung bình giảm gần 3.000 người, mật độ dân số thành thị tương ứng là hơn 8.300 người/km<sup>2</sup>. Do tốc độ mở rộng lãnh thổ đô thị thấp hơn nhiều so với các đơn vị hành chính khác trong khi dân số vẫn tăng khá nhanh nên Ninh Kiều vẫn là khu vực tập trung đô thị cao nhất thành phố, tỉ



lệ mật độ dân số quận Ninh Kiều so với mật độ dân số đô thị trung bình thành phố nói chung và mật độ dân số đô thị các quận khác liên tục tăng lên (ngoại trừ quận Bình Thủy - xem bảng 1.3).

**Hình 1.5. Mật độ dân số thành phố Cần Thơ phân theo loại hình quần cư và đơn vị hành chính, năm 1999\*, 2004 và 2011\*\***



(\*): Diện tích năm 2000; (\*\*): diện tích năm 2010

Nguồn: [1], [3], [4], [5], [7].

**Bảng 1.3. Chênh lệch mật độ dân số đô thị giữa quận Ninh Kiều và các đơn vị hành chính khác (lần)**

Quận/Huyện	1999	2011
Quận Ô Môn	5,86	8,22
Quận Bình Thủy	6,68	5,19
Quận Cái Răng	4,86	6,65
Quận Thốt Nốt	2,27	6,22
Huyện Cờ Đỏ	3,89	4,99
Thành thị	2,85	4,96

Nguồn: xử lý từ [1], [4], [5], [7].

Quận Thốt Nốt dẫn đầu toàn TP. về tốc độ gia tăng diện tích và dân số đô thị cũng là địa bàn giảm mật độ dân số đô thị nhanh và nhiều nhất. Trong vòng hơn 10 năm, trung bình giảm khoảng 3.600 người/km<sup>2</sup> diện tích đô thị, năm 1999, Thốt Nốt có mức độ tập trung dân số đô thị cao thứ hai toàn TP. sau quận Ninh Kiều, trung bình gần 5.000 người cư trú trên 1km<sup>2</sup> lãnh thổ đô thị, đến năm 2011 tương ứng còn 1.372 người/km<sup>2</sup>, tốc độ giảm trung bình 10%/năm. Tương tự quận Thốt Nốt là khu vực Ô Môn và Cái Răng, tốc độ giảm mật độ dân số trung bình 5%/năm trong toàn giai đoạn 1999 - 2011 (xem hình 1.5).

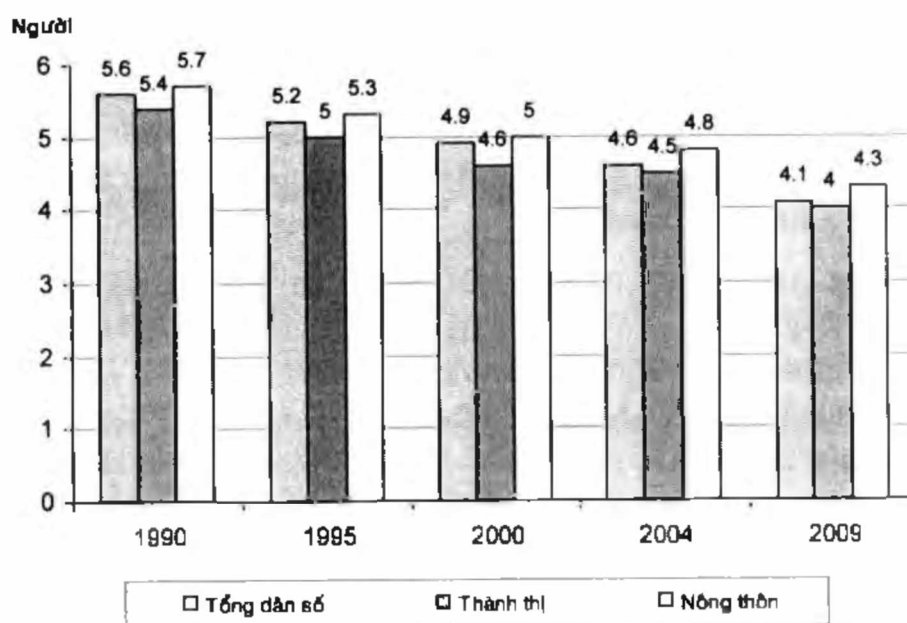
Xu hướng mật độ dân số sau khi TP. Cần Thơ trực thuộc trung ương được thành lập cho thấy một khía cạnh khác trong quá trình ĐTH. Trái với 5 năm đầu, mật độ dân số giảm nhanh do điều chỉnh địa giới hành chính, giai đoạn 2004 - 2011 ghi nhận xu hướng tăng mật độ dân số với tốc độ trung bình 3%/năm ở quận Ninh Kiều, 4% ở quận Bình Thủy. Quận Cái Răng mức độ tập trung dân cư tăng lên so với giai đoạn trước mặc dù không nhanh bằng quận Ninh Kiều và Bình Thủy. Điều này cho thấy sức hút lớn của khu vực trung tâm TP. Cần Thơ trong quá trình ĐTH. Mật độ dân số các đô thị khu vực nông thôn cũng tăng lên trong cùng giai đoạn, nhanh nhất là thị trấn Cờ Đỏ tăng trung bình 2%/năm (xem hình 1.5).

#### 4. Quy mô hộ gia đình

Thời gian qua, mô hình gia đình truyền thống với qui mô lớn, kiểu "tam, tứ, ngũ đại đồng đường" dần mất vị trí, mô hình gia đình hạt nhân, "gia đình nhỏ" dần trở thành xu hướng chủ đạo. Giai đoạn 1990 - 2009, trong khi dân số TP. Cần Thơ tăng trung bình 1,2%/năm thì số hộ tăng với tốc độ nhanh hơn 2 lần, từ 170.527 hộ năm 1990 lên 289.509 hộ năm 2009. Số người trung bình sống trong một hộ giảm dần, từ 5,6 người/hộ năm 1990 còn 4,1 người/hộ năm 2009. Kết quả này phản ánh hai khía cạnh: 1) Về khía cạnh dân số, tỉ lệ sinh đã giảm, số con thứ 3 ngày càng ít dần, 2) Về khía cạnh xã hội, sự tan rã của mô hình gia đình truyền thống. Giai đoạn 1990 - 2000, xã hội mới bước ra khỏi thời kì bao cấp, kinh tế lạc hậu, trình độ đô thị hóa thấp, tốc độ đô thị hóa chậm nên qui mô hộ gia đình nhìn chung còn lớn, tốc độ chuyển đổi còn chậm. Sau năm 2000, kinh tế Cần Thơ phát triển rất nhanh, quá trình đô thị hóa cũng được thúc đẩy nhanh hơn nên qui mô hộ gia đình giảm nhanh chóng (hình 1.6).

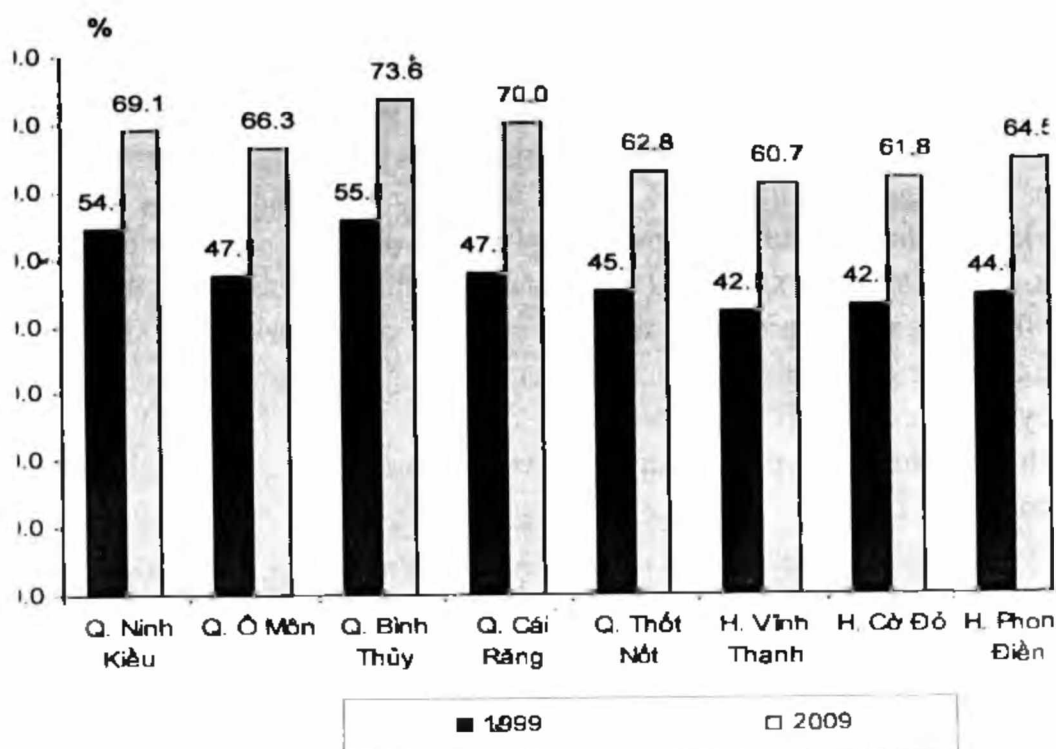
Mặc dù quá trình chuyển biến này diễn ra ở cả khu vực nông thôn lẫn thành thị nhưng đặc trưng môi trường đô thị thúc đẩy mô hình gia đình truyền thống tan rã nhanh hơn. Bên cạnh đó, những người di cư vào đô thị đa phần rất trẻ, sau khi kết hôn hình thành kiểu gia đình hạt nhân. Thập niên 90, qui mô hộ gia đình ở khu vực thành thị và nông thôn đều rất lớn và chuyển biến chậm. Đến năm 2009, qui mô hộ gia đình trung bình chỉ còn 4 người/hộ ở đô thị và 4.3 người/hộ ở nông thôn (hình 1.6).

**Hình 1.6. Quy mô hộ TP. Cần Thơ theo khu vực thành thị, nông thôn (1990-2009)**



Nguồn: [1], [2], [6].

**Hình 1.7. Tỷ lệ hộ gia đình hạt nhân TP. Cần Thơ năm 1990 và 2009**



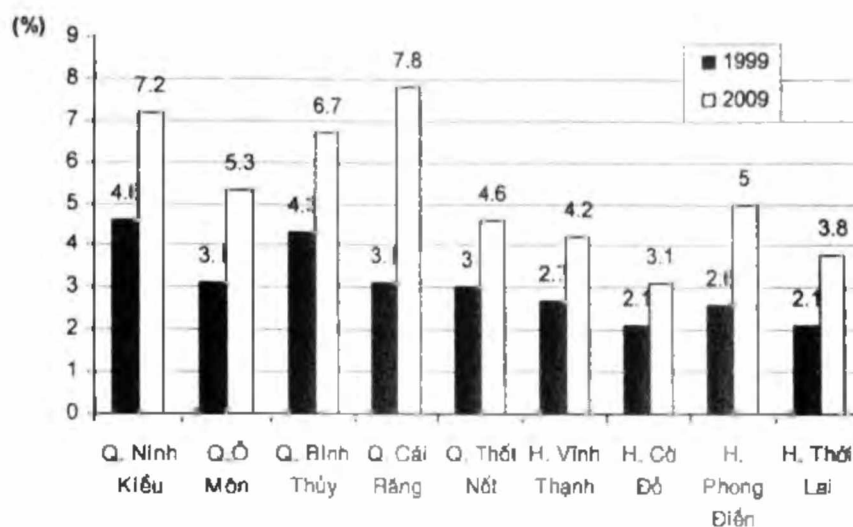
Nguồn: [1], [2].

Năm 1999, chỉ có địa bàn TP. Cần Thơ (quận Ninh Kiều và Bình Thủy hiện nay) có tỉ lệ gia đình hạt nhân hơn 50%, các địa phương còn lại nhìn chung đều duy trì mô hình gia đình nhiều người. Trong khi tỉ lệ sinh thời gian này đã giảm nhiều chứng tỏ nông nghiệp vẫn còn rất quan trọng trong đời sống người dân ở Cần Thơ. Đến năm 2009, mô hình gia đình truyền thống đặc trưng văn hóa nông nghiệp dần dần mất vị thế, tỉ lệ gia đình hạt nhân tăng lên nhanh chóng. Địa bàn nông thôn có tốc độ chuyển đổi nhanh hơn đô thị do xuất phát điểm thấp. Trong khi đó, quận Cái Răng có tốc độ chuyển đổi nhanh nhất thành phố, từ 47,7% năm 1999 lên 70% năm 2009. Ngoài lí do xuất phát điểm thấp, giai đoạn 1999 - 2009, khu vực này nhận được sự đầu tư phát triển kinh tế to lớn, quá trình đô thị hóa tăng tốc nhanh chóng. Tương tự, quận Bình Thủy có mức độ phát triển công nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung rất nhanh nên tỉ lệ hộ gia đình hạt nhân tăng từ 55,6% năm 1999 lên 73,6% năm 2009. Các quận Ô Môn, Thốt Nốt mặc dù nằm trong khu vực nội thành nhưng quá trình đô thị hóa còn chậm nên chuyển biến xã hội không thấy rõ (hình 1.7).

Nhìn chung, thiết chế gia đình ở TP. Cần Thơ đang thay đổi dưới tác động của quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, tuy nhiên chuyển biến vẫn còn chậm. Quy mô hộ gia đình ở Cần Thơ vẫn còn cao hơn mức trung bình cả nước hiện nay.

Ngoài khía cạnh quy mô hộ, "đô thị tính" còn được thể hiện ở tỉ lệ hộ độc thân. Năm 1999, TP. Cần Thơ vẫn là một địa bàn nông nghiệp, đặc trưng xã hội đô thị chưa thể hiện rõ nét. Khu vực "đô thị tính" cao nhất là đô thị trung tâm nhưng sự phân hóa chưa rõ nét so với địa bàn nông thôn còn lại (hình 1.8).

Hình 1.8. Tỉ lệ hộ độc thân tại TP. Cần Thơ năm 1999 và 2009



Nguồn: [1], [2].

Sau năm 1999, quá trình phát triển đô thị và đô thị hóa tập trung ở địa bàn TP. Cần Thơ (quận Ninh Kiều, Bình Thủy và quận Cái Răng), nên khu vực này có tỉ lệ hộ độc thân rất cao. Giai đoạn 1999 - 2009, quá trình xây dựng hạ tầng đô thị trên địa bàn quận Cái Răng diễn ra rất nhanh, nhiều khu vực nông thôn - nông nghiệp bị giải tỏa, thu hồi nên mô hình gia đình truyền thống bị xé lẻ và tan rã nhanh chóng. Bên cạnh đó, những người di cư trẻ tuổi đến làm việc và sinh sống gần các công trường xây dựng, khu công nghiệp,... đã góp phần gia tăng tỉ lệ gia đình độc thân từ 3,1% năm 1999 lên 7,8% năm 2009. Khu vực trung tâm đô thị - quận Ninh Kiều, tỉ lệ hộ độc thân rất cao, tăng từ 4,6% lên 7,2% năm 2009. Bên cạnh đó, ở khu vực quận Bình Thủy, kinh tế đô thị phát triển rất nhanh nên tỉ lệ gia đình độc thân cũng tăng tương ứng từ 4,3% lên 6,7%. Hai địa bàn nội thành còn lại (quận Ô Môn và Thốt Nốt) tốc độ đô thị hóa còn chậm nên tỉ lệ hộ độc thân không cao. Trong khi đó, ở khu vực nông thôn, huyện Phong Điền gần khu vực đô thị trung tâm nên tỉ lệ hộ độc thân tăng nhanh và ở mức cao; những huyện thuần nông hơn như Cờ Đỏ, Thới Lai tỉ lệ hộ độc thân rất thấp (hình 1.8).

### 5. Kết luận

Trong hơn 10 năm qua, quá trình đô thị hóa ở thành phố Cần Thơ diễn ra khá nhanh. Những biến đổi về nhân khẩu học và kinh tế - xã hội theo hướng xã hội đô thị. Tuy nhiên, quá trình mở rộng địa giới hành chính lãnh thổ đô thị, đặc biệt khu vực nội thành (kèm theo sự gia tăng số dân đô thị tương ứng) quá nhanh so với động lực đô thị hóa trên địa bàn nên nhiều khía cạnh nhân khẩu học và kinh tế - xã hội thay đổi không tương xứng. Mặc dù, khoảng cách thành thị - nông thôn có xu hướng thu hẹp, "đô thị tính" của khu vực thành thị giảm do sáp nhập với quá nhiều xã - nông thôn xung quanh nhưng khu vực đô thị trung tâm có sức hút tụ cư lớn và đặc trưng đô thị ngày càng rõ nét.

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2000), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Cần Thơ năm 1999 (CD - Rom)*.
2. Tổng cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2010), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Cần Thơ năm 2009 (CD - Rom)*.
3. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2004), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ năm 2003*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

4. Cục thống kê thành phố Cần Thơ (2012), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ năm 2011*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
5. UBND tỉnh Cần Thơ (2001), *Kết quả tổng kiểm kê đất đai tỉnh Cần Thơ năm 2000*.
6. UBND TP. Cần Thơ (2005), *30 năm xây dựng và phát triển TP. Cần Thơ (1975-2005)*.
7. UBND TP. Cần Thơ (2011), *Báo cáo tổng kiểm kê đất đai thành phố Cần Thơ năm 2010*.